

Đơn vị: Trường Đại học Dược Hà Nội
Chương: 023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 Năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ.

Trường Đại học Dược Hà Nội công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2019 như sau:

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	48.174.269	44.866.871	93%	89%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	8.772.574	5.982.971	68%	112%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.772.574	5.982.971	68%	112%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	35.501.695	34.988.450	99%	85%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	25.651.695	25.651.695	100%	86%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.850.000	9.336.755	95%	84%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.900.000	3.895.450	100%	99%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.900.000	3.895.450	100%	
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ	2.626.000	2.626.000	100%	86%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.626.000	2.626.000	100%	86%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
IV	Nguồn vốn đầu tư phát triển	304.130.953	8.344.614		
1	Vốn vay ưu đãi	300.000.000	7.300.407	2%	128%
2	Vốn đối ứng	4.130.953	1.044.207	25%	67%

Nơi nhận:

- Niêm yết;
- Lưu: TCKT.

Ngày 15 tháng 02 năm 2020 *hinh*

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Bình